Ngày soạn: 10/5/2025

**BÀI 47. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

***Thời gian thực hiện: 3 tiết***

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung:**

*- Tự chủ và tự học:* Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về sự tác động của con người đối với môi trường, sự ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Thảo luận nhóm một cách có hiệu quả khi thực hiện các nhiệm vụ học tập

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**1.2. Năng lực khoa học tự nhiên :**

*Nhận thức khoa học tự nhiên:*

- Trình bày được tác động của con người đối với môi trường qua các thời kì phát triển xã hội; tác động của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên và vai trò của con người trong bảo vệ, cải tạo môi trường tự nhiên.

- Nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường. Trình bày được một số nguyên nhân và biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Nêu được khái niệm khái quát về biến đổi khí hậu và biện pháp thích ứng.

- Trình bày được sự cần thiết phải bảo vệ động vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng.

- Điều tra được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương.

*Tìm hiểu tự nhiên:*

- Tìm hiểu được tác động của con người tới môi trường.

- Tìm hiểu được tình trạng ô nhiễm môi trường, nguyên nhân và biện pháp chống ô nhiễm môi trường.

- Tìm hiểu được nguyên nhân gây biến đổi khí hậu và biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tìm hiểu cách để bảo vệ các động vật và thiên nhiên hoang dã

*Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* Vận dụng được hiểu biết về bảo vệ môi trường để giải quyết một số vấn đề của thực tiễn cuộc sống.

**2. Phẩm chất:** Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm tìm hiểu về tìm hiểu về sự tác động của con người đối với môi trường, sự ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu.

- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.

- Trung thực trong báo cáo, thảo luận hoạt động nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Bài Soạn + GA powerpoint + Máy tính, tivi.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Vở ghi + SGK + Đồ dùng học tập + Đọc trước bài ở nhà.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập, tạo tâm thế hứng thú, sẵn sàng tìm hiểu kiến thức mới.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh cá nhân đưa ra câu trả lời cho tình huống: *Năm 1972, lần đầu tiên Liên hợp quốc tổ chức Hội nghị về Môi trường con người phản ánh tính cấp bách đối với một số vấn đề môi trường trên toàn cầu. Môi trường sống của con người đang bị đe dọa như thế nào? Cần có những biện pháp gì để bảo vệ môi trường?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  -Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi HS trình bày câu trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, ghi nhận các ý kiến của HS.  - GV chưa chốt kiến thức mà dẫn dắt vào bài học mới. | *Gợi ý câu trả lời của hoạt động khởi động:*  *- Môi trường sống của con người đang bị đe dọa nghiêm trọng: Chất thải, khí thải,… được thải ra môi trường gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường ở mức báo động cao; các khu rừng đang dần bị phá hủy gây nên sự biến đổi khí hậu trên toàn cầu và sự suy giảm đa dạng sinh học;…*  *- Những biện pháp bảo vệ môi trường:*  *+ Hạn chế ô nhiễm môi trường: xử lí rác thải sinh hoạt và từ nhà máy trước khi thải ra môi trường; hạn chế sử dụng hóa chất gây ô nhiễm môi trường trong sản xuất, thay thế bằng thuốc có nguồn gốc sinh học; hạn chế sử dụng phương tiện giao thông cá nhân, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo;…*  *+ Trồng cây gây rừng và phòng chống cháy rừng.*  *+ Tăng cường công tác tuyên truyền và giáo dục để nâng cao hiểu biết và ý thức của mọi người trong việc bảo vệ môi trường* |

**2. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu tác động của con người đối với môi trường qua các thời kì phát triển xã hội.**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được tác động của con người đối với môi trường qua các thời kì phát triển xã hội; tác động của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên và vai trò của con người trong bảo vệ, cải tạo môi trường tự nhiên.

**b.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS cá nhân nghiên cứu thông tin phần 1, 2 SGK/191; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/191:  *Phân tích tác động của các hoạt động dưới đây đến môi trường trong thời kì xã hội nông nghiệp.*  *a) Cày, xới đất canh tác.*  *b) Định cư tại một khu vực nhất định.*  *c) Thuần hóa cây dại, thú hoang thành cây trồng, vật nuôi.*  *d) Xây dựng hệ thống kênh, mương.... để tưới tiêu nước.*  - GV cho HS cá nhân quan sát Hình 47.1:  Đọc các thông tin trên và quan sát Hình 47.1, thảo luận để thực hiện các  - GV cho HS nghiên cứu thông tin SGK/191, 192; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/192:  *Đọc các thông tin trên và quan sát Hình 47.1, thảo luận để thực hiện các yêu cầu sau:*  ***1.****Trình bày tác động của hoạt động trồng trọt đến môi trường qua các thời kì phát triển xã hội.*  *2. Liệt kê một số hoạt động của con người trong các thời kỳ phát triển xã hội làm suy thoái hoặc có tác dụng bảo vệ, cải tạo môi trường tự nhiên.*  - GV cho HS rút ra kết luận về tác động của con người tới môi trường qua các thời kì phát triển của xã hội.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS cá nhân nghiên cứu thông tin phần 1, 2 SGK/191; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/191.  - HS cá nhân quan sát Hình 47.1; nghiên cứu thông tin SGK/191, 192; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/192.  - HS rút ra kết luận về tác động của con người tới môi trường trong thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS các nhóm trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS đưa ra kết luận về tác động của con người tới môi trường qua các thời kì phát triển của xã hội.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức | **I. Tác động của con người đối với môi trường qua các thời kì phát triển xã hội.**  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi thảo luận nhóm:*  *a, Cày, xới đất canh tác làm thay đổi đất và nước tầng mặt nên đất khô cằn và suy giảm độ màu mỡ.*  *b, Rừng bị chuyển đổi thành các khu dân cư và khu sản xuất nông nghiệp → Làm thay đổi kết cấu đất, giảm sự đa dạng sinh thái, môi trường bị suy thoái do các hoạt động của con người.*  *c, Việc này đem lại lợi ích là hình thành các hệ sinh thái trồng trọt, tích lũy nhiều giống cây trồng và vật nuôi.*  *d, Tác động đến hệ sinh thái tự nhiên trong khu vực; mực nước ngầm cao trong mùa mưa gây ra hiện tượng ngập úng;…*  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi thảo luận nhóm:*  ***1,***  *\* Thời kì nguyên thuỷ*  *Trong thời kì này, con người sống hòa đồng với tự nhiên. Cách sống cơ bản là săn bắt động vật và hái lượm cây rừng.*  *Tác động đáng kể của con người đối với môi trường là con người biết dùng lửa để nấu nướng thức ăn, sưởi ấm và xua đuổi thú dữ. Con người đã đốt lửa dồn thú dữ vào những hố sâu để bắt, làm cho nhiều cánh rừng rộng lớn ở Trung Âu. Đông Phi, Nam Mĩ, Đông Nam Á bị đốt cháy.*  *\* Xã hội nông nghiệp*  *- Bên cạnh hoạt động săn bắn, con người đã bắt đầu biết trồng cây lương thực như lúa, lúa mì, ngô... và chăn nuôi dê, cừu, lợn, bò... Hoạt động trồng trọt và chăn nuôi đã dẫn con người tới việc chặt phá và đốt rừng lấy đất canh tác, chăn thả gia súc.*  *- Hoạt động cày xới đất canh tác góp phần làm thay đổi đất và nước tầng mặt. Hậu quả là nhiều vùng đất bị khô cằn và suy giảm độ màu mỡ.*  *- Nền nông nghiệp hình thành đòi hỏi con người phải định cư, từ đó nhiều vùng rừng bị chuyển đổi thành các khu dân cư và khu sản xuất nông nghiệp.*  *- Tuy nhiên, ngoài việc phá rừng, hoạt động nông nghiệp còn đem lại lợi ích là tích lũy thêm nhiều giống cây trồng, vật nuôi và hình thành các hệ sinh thái trồng trọt.*  *\* Xã hội công nghiệp*  *- Thế kỉ XVIII được coi là điểm mốc của thời đại văn minh công nghiệp. Việc chế tạo ra máy hơi nước sử dụng trong sản xuất, giao thông vận tải đã tạo điều kiện để chuyển từ sản xuất thủ công sang sản xuất bằng máy móc. Máy móc ra đời đã tác động mạnh mẽ tới môi trường sống.*  *- Nền nông nghiệp cơ giới hoá tạo ra nhiều vùng trồng trọt lớn.*  *- Công nghiệp khai khoáng phát triển đã phá đi rất nhiều diện tích rừng trên Trái Đất.*  *- Đô thị hoá ngày càng tăng đã lấy đi nhiều vùng đất rừng tự nhiên và đất trồng trọt.*  *- Bên cạnh những tác động làm suy giảm môi trường, nền công nghiệp phát triển cũng góp phần cải tạo môi trường.*  *- Ngành hoá chất sản xuất được nhiều loại phân bón, thuốc trừ sâu bảo vệ thực vật làm tăng sản lượng lương thực và khống chế được nhiều loại dịch bệnh. Nhiều giống vật nuôi và cây trồng quý được lai tạo và nhân giống.*  **2,**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của con người** | **Hậu quả phá huỷ môi trường tự nhiên** | | Hái lượm | Mất nhiều loại sinh vật | | Săn bắt động vật hoang dã | Mất nhiều loại sinh vật  Mất cân bằng sinh thái | | Đốt rừng lấy đất trồng trọt  Khai thác khoáng sản  Chiến tranh | Mất nhiều loại sinh vật, Mất nơi ở của sinh vật, Xói mòn và thoái hoá đất  Ô nhiễm môi trường, Cháy rừng, Hạn hán, Mất cân bằng sinh thái | | Phát triển nhiều khu dân cư | Mất nhiều loại sinh vật, Mất nơi ở của sinh vật, Xói mòn và thoái hoá đất, Hạn hán, Mất cân bằng sinh thái | | Chăn thả gia súc | Mất nhiều loại sinh vật, Mất nơi ở của sinh vật, Xói mòn và thoái hoá đất  Ô nhiễm môi trường, Hạn hán, Mất cân bằng sinh thái |   **KL:**  **1. Thời kì nguyên thủy.**  - Con người khai thác qua các hình thức: hái lượm, săn bắn.  - Con người dùng lửa để nấu thức ăn, sưởi ấm, xua đuổi thú rừng và đốt rừng.  **2. Thời kì xã hội nông nghiệp.**  Con người biết trồng cây lương thực: lúa, ngô,… và chăn nuôi: trâu, bò, dê,…  **3, Thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp:**  - Trong thời kì cách mạng công nghiệp: con người đã bắt đầu cơ giới hóa việc sản xuất dựa vào các loại máy móc, các nguồn nguyên, nhiên, vật liệu như: sắt, than đá,… và năng lượng mới là hơi nước. Đặc biệt sử dụng năng lượng điện và sự ra đời của các dây chuyền sản xuất quy mô lớn. Từ đó sản xuất công nghiệp phát triển mạnh mẽ, con người đẩy mạnh cho việc khai thác các tài nguyên khoáng sản để phục ụ cho việc sản xuất, từ đó kéo theo sự gia tăng các loại khí thải trong sản xuất công nghiệp.  - Từ nửa sau thế kỉ XX, điện tử và công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi đã tạo điều kiện để tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực xã hội,…  - Cách mạng công nghiệp 4.0 và có sự kết hợp với công nghệ, lĩnh vực sinh học và công nghệ 4.0 có sự nghiên cứu để có bước phát triển nhảy vọt trong các lĩnh vực như nông nghiệp, y học,… |

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về ô nhiễm môi trường**

**a. Mục tiêu:**

**-** Nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường. Trình bày được một số nguyên nhân và biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Điều tra được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương.

**b.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS nghiên cứu thông tin phần 1 SGK/192, rút ra khái niệm về ô nhiễm môi trường.  - HS nghiên cứu thông tin phần 2 SGK/192, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/193:  *1, Đọc thông tin và quan sát hình 47.2, chỉ ra một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường*  *2, Những hoạt động nào tại trường học, gia đình và địa phương em có thể gây ô nhiễm môi trường*  - HS rút ra kết luận về một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường.  - HS nghiên cứu thông tin phần 3 SGK/193, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/193:  *Đọc thông tin thảo luận và làm việc nhóm để thực hiện các yêu cầu sau*  ***1.****Điều tra về thực trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương nêu các biểu hiện và tìm hiểu nguyên nhân gây ra tình trạng đó rồi hoàn thành thông tin theo bảng 47.1*  *Bảng 47.1 Tình trạng ô nhiễm một số loại môi trường ở địa phương*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Môi trường ô nhiễm** | **Biểu hiện** | **Nguyên nhân** | | Môi trường nước | ? | ? | | Môi trường đất | ? | ? | | Môi trường không khí | ? | ? |   *2, Dựa vào kết quả điều tra và kiến thức đã học em hãy nêu biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường ở địa phương và cho biết việc phân loại rác từ gia đình giúp ích gì trong việc hạn chế ô nhiễm môi trường*  - HS rút ra kết luận về một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghiên cứu thông tin phần 1 SGK/192, rút ra khái niệm về ô nhiễm môi trường.  - HS nghiên cứu thông tin phần 2 SGK/192, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/193.  - HS rút ra kết luận về một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường.  - HS nghiên cứu thông tin phần 3 SGK/193, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/193.  - HS rút ra kết luận về một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS các nhóm trả lời câu hỏi, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS đưa ra kết luận về một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức | **II. Ô nhiễm môi trường**  **1, Khái niệm ô nhiễm môi trường.**  Là sự biến đổi tính chất vật lý, hóa học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kĩ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.  **2, Một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường.**  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi thảo luận nhóm:*  1, Một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường  - Phun thuốc trừ sâu  - Khí thải các nhà máy  - Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà máy  - Rác thải từ lốp ô tô  2, Hoạt động tại trường học, gia đình và địa phương em có thể gây ô nhiễm môi trường là:  - Đốt cháy nhiên liệu (củi, than, dầu mỏ, dầu khí, khí đốt) trong các hoạt động giao thông vận tải, sản xuất.  - Sử dụng không đúng cách thuốc trừ sâu trong nông nghiệp.  - Không xử lý các chất thải nông nghiệp, xây dựng, khai thác khoáng sản, y tế, các chất thải trong các hộ gia đình.  - Vứt rác không đúng nơi quy định  - Sử dụng quá nhiều túi nilon.  **KL:**  a, Ô nhiễm do chất thải từ hoạt động công nghiệp và sinh hoạt.  b, Ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật.  c, Ô nhiễm do các chất phóng xạ.  d, Ô nhiễm do vi sinh vật gây bệnh.  **3, Một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường.**  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi thảo luận nhóm:*  *1, Bảng 47.1 Tình trạng ô nhiễm một số loại môi trường ở địa phương*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Môi trường ô nhiễm | Biểu hiện | Nguyên nhân | | Môi trường nước | Nước có màu lạ (màu vàng, màu đen, màu nâu đỏ,...), mùi lạ (mùi tanh hôi, thối nồng nặc, mùi thum thủm,…) và xuất hiện váng, nổi bọt khí, có nhiều sinh vật sống trong nước bị chết | - Do quá trình tăng dân số  - Do rác thải trong sinh hoạt  - Do các điều kiện của tự nhiên: Lũ lụt, gió bão, tuyết tan, hạn hán,…  - Do quá trình sản xuất nông nghiệp, công nghiệp  - Do quá trình đô thị hóa | | Môi trường đất | Đất bị khô cằn, có màu xám hoặc đỏ không đồng đều, xuất hiện những hạt sỏi có lỗ hoặc các hạt màu trắng trong đất. | - Biến đổi tự nhiên  - Canh tác nông nghiệp, Sản xuất công nghiệp, Đô thị hóa  - Do rác thải trong sinh hoạt | | Môi trường không khí | Sự thay đổi của các thành phần trong không khí như khói, bụi, hơi và một số loại khí lạ xâm nhập vào không khí. | - Canh tác nông nghiệp, Sản xuất công nghiệp, Đô thị hóa.  do rác thải trong sinh hoạt  - Do phương tiện giao thông  do các điều kiện của tự nhiên: Lũ lụt, gió bão, tuyết tan, hạn hán,… |   *2,**Một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường ở địa phương:*  *- Giữ gìn cây xanh*  *- Sử dụng các chất liệu từ thiên nhiên*  *- Rút các phích khỏi ổ cắm*  *- Sử dụng năng lượng sạch*  *-Nguyên tắc 3R (reduce, reuse, and recycle)*  *- Giảm sử dụng túi nilon*  *- Tận dụng ánh sáng mặt trời,...*  *Việc phân loại rác thải vừa mang lại lợi ích bảo vệ môi trường, vừa tiết kiệm được nguồn tài nguyên thiên nhiên, hơn hết chính là giảm được nguồn rác thải ra môi trường. Nếu các gia đình luôn có ý thức phân loại rác thải sẽ mang lại lợi ích lớn cho cộng đồng, góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch hơn.*  **KL:**  - Xử lý chất thải công nghiệp và sinh hoạt.  - Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo như: năng lượng gió, năng lượng mặt trời.  - Trồng nhiều cây xanh.  - Ứng dụng khoa học kĩ thuật trong sản xuất.  - Tăng cường công tác tuyên truyền và giáo dục để nâng cao hiểu biết và ý thức của mọi người. |

**Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về biến đổi khí hậu**

**a. Mục tiêu:** Nêu được khái niệm khái quát về biến đổi khí hậu và biện pháp thích ứng.

**b.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS nghiên cứu thông tin phần III SGK/194, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/194:  *Em hãy đề xuất thêm các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu có thể thực hiện ở địa phương*  - GV cho HS rút ra kết luận về khái niệm biến đổi khí hậu và một số biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghiên cứu thông tin phần III SGK/194, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/194.  - HS rút ra kết luận về khái niệm biến đổi khí hậu và một số biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS các nhóm trả lời câu hỏi, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS đưa ra kết luận về biến đổi khí hậu.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức | **III. Biến đổi khí hậu.**  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi thảo luận nhóm:*  *- Con người xây hệ thống đê điều kiên cố dọc bờ biển và theo các con sông: chống sạt lở, phòng lũ,…*  *- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường để chống khí thải nhà kính.*  *- Trong nông nghiệp hạn chế sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu bằng các biện pháp sinh học ( thiên địch).*  *- Giáo dục, thông tin và khuyến khích người dân có hành vi đúng đắn trong công tác bảo vệ môi trường chống biến đổi khí hậu.*  **1, Khái niệm.**  - Là sự thay đổi giá trị trung bình của các yếu tố khí hậu như: nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa,… giữa các giai đoạn, mỗi giai đoạn từ vài thập kỉ đến hàng thế kỉ.  - Tác động của con người là nguyên nhân chính gây biến đổi khí hậu.  **2, Các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.**  - Chủ động xây dựng hệ thống đê điều kiên cố.  - Trồng rừng phòng hộ chắn sóng, chống xói mòn ở bờ biển, bờ sông.  - Chuyển đổi cơ cấu của cây trồng và vật nuôi cho phù hợp.  - Xây nhà chống lũ,… |

**Hoạt động 2.4: Tìm hiểu về bảo vệ động vật hoang dã**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được sự cần thiết phải bảo vệ động vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng.

**b.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS nghiên cứu thông tin phần IV SGK/194, đưa ra kết luận về sự cần thiết phải bảo vệ động vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS nghiên cứu thông tin phần IV SGK/194, đưa ra kết luận về sự cần thiết phải bảo vệ động vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS cá nhân đưa ra kết luận về sự cần thiết phải bảo vệ động vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức  - GV cho HS đọc thông tin mục Em có biết SGK/194.  - GV cho HS hệ thống lại các nội dung chính của bài theo mục Em đã học SGK/194.  - GV cho HS thực hiện mục Em có thể tại nhà, báo cáo kết quả vào đầu giờ học sau. | **III. Bảo vệ động vật hoang dã.**  Mỗi loài sinh vật là một mắc xích trong hệ sinh thái. Vì một nguyên nhân nào đó, nếu một loài bị biến mất sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hệ sinh thái, giảm đa dạng nguồn gene, giảm đa dạng sinh học, gây mất cân bằng sinh thái.  Hiện nay, một số loài có nguy cơ tuyệt chủng: tê giác, hổ,…để duy trì hệ sinh thái và phát triển bền vững cần bảo vệ những loài này theo công ước quốc tế về buôn bán loài động vật và thực vật hoang dã ( CITES), đồng thời cần bảo vệ và phục hồi môi trường sống của chúng cũng như giữ gìn thiên nhiên hoang dã. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Sử dụng kiến thức đã học để trả lời được các câu hỏi trắc nghiệm.

**b.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV Cho HS cá nhân trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:  **Câu 1:** Trồng rừng có vai trò  A. tạo nơi ở cho các loài sinh vật. B. chống xói mòn đất.  C. tạo sự cân bằng cho hệ sinh thái. D. cả A, B, C đều đúng.  **Câu 2:** Ứng dụng của công nghệ sinh học đối với bảo vệ thiên nhiêu là gì?  A. Bảo tồn nguồn gen quý hiếm.  B. Lai tạo ra các giống sinh vật có năng suất, chất lượng cao.  C. Tạo ra giống chống chịu tốt.  D. Cả A, B, C  **Câu 3:** Phát biểu nào sau đây sai?  A. Bảo vệ rừng là góp phần bảo vệ các loài sinh vật, điều hòa khí hậu, giữ cân bằng sinh thái của Trái Đất.  B. Trồng rừng giúp chống xói mòn, lũ quét.  C. Rừng mưa nhiệt đới không phải là một hệ sinh thái.  D. Rừng là môi trường sống của nhiều loài sinh vật.  **Câu 4:** Để góp phần bảo vệ thiên nhiên con người cần  A. chặt phá rừng bừa bãi.  B. xây dựng các khu bảo tồn, các vườn quốc gia.  C. săn bắn động vật hoang dã.  D. xả rác bừa bãi.  **Câu 5:** Nhận định nào sau đây sai về tài nguyên nước?  A. Tài nguyên nước nếu không được sử dụng hợp lí sẽ bị ô nhiễm và cạn kiệt.  B. Tài nguyên nước thuộc dạng tài nguyên tái sinh nên sẽ không bị cạn kiệt.  C. Tài nguyên nước tái sinh theo chu trình nước.  D. Trồng rừng có tác dụng bảo vệ nguồn tài nguyên nước.  **Câu 6:** Biện pháp giúp bảo vệ hệ sinh thái biển là gì?  A. Có kế hoạch khai thác tài nguyên biển ở mức độ vừa phải.  B. Bảo vệ và nuôi trồng các loài sinh vật biển quý hiếm.  C. Chống ô nhiễm môi trường biển.  D. Tất cả các biện pháp trên.  **Câu 7:** Luật Bảo vệ môi trường được ban hành nhằm mục đích gì?  A. Điều chỉnh hành vi của cả xã hội để ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do hoạt động của con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường tự nhiên.  B. Điều chỉnh việc khai thác, sử dụng các thành phần môi trường hợp lí để phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.  C. Cho phép người dân hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên bừa bãi.  D. Đáp án A và B.  **Câu 8:**  Cho các biện pháp sau:  1. Trồng cây gây rừng.  2. Bón phân hợp lí và hợp vệ sinh.  3. Chọn giống vật nuôi và cây trồng thích hợp và có năng suất cao.  4. Cấm săn bắn động vật hoang dã.  Trong các biện pháp trên, số biện pháp giúp cải tạo hệ sinh thái bị thoái hóa là  A. 1. B. 2. C. 3. D. 4  **Câu 9:** Nếu không có Luật Bảo vệ môi trường thì rừng có thể bị  A. khai thác bừa bãi làm giảm diện tích rừng.  B. làm mất nơi ở của nhiều loài sinh vật làm mất cân bằng sinh thái.  C. ảnh hưởng đến điều hòa khí hậu.  D. cả A, B, C  **Câu 10:** Những dạng tài nguyên khi sử dụng hợp lí sẽ có điều kiện phát triển phục hồi gọi là  A. tài nguyên sinh vật.  B. tài nguyên tái sinh.  C. tài nguyên không tái sinh.  D. tài nguyên năng lượng vĩnh cửu.  **Câu 11:** Đâu không phải là hành vi chấp hành luật Bảo vệ môi trường?  A. Săn bắn động vật hoang dã.  B. Sử dụng đất hợp lý, cải tạo đất.  C. Cấm đổ rác bừa bãi.  D. Cấm chặt phá rừng bừa bãi.  **Câu 12:** Biện pháp giúp cải tạo hệ sinh thái bị thoái hóa bao gồm  A. Bón phân hợp lí và hợp vệ sinh.  B. Thay đổi các loại cây trồng hợp lí  C. Chọn giống vật nuôi và cây trồng thích hợp và có năng suất cao.  D. Cả A, B, C  **Câu 13:** Chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau. Nội dung phòng chống suy thoái, ô nhiễm và sự cố môi trường là?  A. Quy định về phòng chống suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.  B. Cấm nhập khẩu chất thải vào Việt Nam.  C. Cấm khai thác rừng bừa bãi.  D. Đáp án A và B.  **Câu 14:** Hậu quả của việc chặt phá và đốt rừng là  A. gây xói mòn đất.  B. làm mất cân bằng sinh thái.  C. ảnh hưởng tới điều hòa khí hậu.  D. tất cả các đáp án trên.  **Câu 15:** Các tổ chức và cá nhân gây ra sự cố môi trường cần có trách nhiệm  A. bồi thường và khắc phục hậu quả về mặt môi trường.  B. nộp phạt cho tổ chức quản lí môi trường địa phương.  C. di dời cơ sở sản xuất ra khỏi khu dân cư.  D. thay đổi công nghệ sản xuất không gây ô nhiễm môi trường.  **Câu 16:** Biện pháp nào sau đây không giúp bảo vệ tài nguyên rừng?  A. Đốt rừng làm nương rẫy.  B. Động viên nhân dân trồng rừng.  C. Cấm chặt phá rừng, đốt rừng.  D. Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia.  **Câu 17:** Chấp hành luật Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của ai?  A. Học sinh. B. Tất cả mọi người.  C. Người cao tuổi. D. Giáo viên.  **Câu 18:** Các dạng tài nguyên thiên nhiên chủ yếu là  A. tài nguyên tái sinh và tài nguyên không tái sinh.  B. tài nguyên tái sinh và tài nguyên năng lượng vĩnh cửu.  C. tài nguyên không tái sinh và tài nguyên năng lượng vĩnh cửu.  D. tài nguyên tái sinh; tài nguyên không tái sinh và tài nguyên năng lượng vĩnh cửu.  **Câu 19:** Phát biểu nào sau đây sai?  A. Ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và nhiều sinh vật.  B. Tất cả mọi người đều có trách nhiệm thực hiện tốt Luật Bảo vệ môi trường.  C. Luật Bảo vệ môi trường được ban hành nhằm ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do hoạt động của con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường tự nhiên.  D. Luật Bảo vệ môi trường chỉ được ban hành để cho những cá nhân, tổ chức sản xuất công nghiệp chấp hành.  **Câu 20:** Ý nghĩa của việc trồng cây gây rừng là gì?  A. Chống xói mòn đất. B. Tạo nơi ở cho nhiều loài sinh vật.  C. Giúp điều hòa khí hậu. D. Tất cả các đáp án trên.  **Câu 21:** Phát biểu nào sau đây không đúng về ô nhiễm tiếng ồn?  A. Ô nhiễm tiếng ồn không thuộc ô nhiễm môi trường.  B. Ô nhiễm tiếng ồn là tiếng ồn trong môi trường vượt quá ngưỡng nhất định gây khó chịu cho người hoặc động vật.  C. Nguồn gây ô nhiễm tiếng ồn chủ yếu từ tiếng ồn ngoài trời như phương tiện giao thông, vận tải, xe có động cơ, máy bay, tàu hỏa.  D. Ô nhiễm tiếng ồn có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người.  **Câu 22:** Những dạng tài nguyên khi sử dụng hợp lí sẽ có điều kiện phát triển phục hồi gọi là  A. tài nguyên sinh vật. B. tài nguyên tái sinh.  C. tài nguyên không tái sinh. D. tài nguyên năng lượng vĩnh cửu.  **Câu 23:** Ý nghĩa của việc gìn giữ thiên nhiên hoang dã là gì?  A. Bảo vệ các loài sinh vật và môi trường sống của chúng.  B. Duy trì cân bằng sinh thái  C. Tránh ô nhiễm và cạn kiệt nguồn tài nguyên.  D. Tất cả các đáp án trên.  **Câu 24:** Ô nhiễm môi trường là sự làm thay đổi không mong muốn các tính chất nào của môi trường?  A. Vật lí, hóa học, sinh học. B. Vật lí, sinh học, toán học.  C. Vật lí, hóa học, toán học. D. Vật lí, địa lí.  **Câu 25:** Nhận định nào sai trong các nhận định sau?  A. Rừng là lá phổi xanh của Trái Đất.  B. Tài nguyên rừng là tài nguyên không tái sinh.  C. Sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên rừng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đất, nước và các tài nguyên sinh vật khác.  D. Sử dụng hợp lí tài nguyên rừng là phải kết hợp giữa khai thác có mức độ tài nguyên rừng với bảo vệ và trồng rừng.  **Câu 26.** Đâu là cách khai thác thiên nhiên của con người ở thời kì nguyên thủy?  **A.** Hái lượm và săn bắn. **B.** Phát quan làm nương rẫy.  **C.** Sử dụng năng lượng mặt trời. **D.** Chặt phá rừng bừa bãi.  **Câu 27.** Có bao nhiêu nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường?  **A.** 3 **B. 4 C. 5 D. 6**  **Câu 28.** Ở thời kì nào, con người đã biết khai thác thiên nhiên bằng hình thức săn bắn, hái lượm?  **A.**Thời kì nguyên thủy.   1. Thời kì xã hội nông nghiệp. 2. Thời kì xã hội công nghiệp. 3. Thời kì xã hội hậu công nghiệp.   **Câu 29:** Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi của tính chất nào?   1. Vật lý, hóa học và toán học. 2. Vật lý, hóa học và thành phần các chất.   **C.**Vật lý, hóa học và sinh học.  **D.** Sinh học, hóa học và toán học.  **Câu 30:** Đâu là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường từ hóa chất thuốc bảo vệ thực vật?  A, Sử dụng đúng cách các loại thuốc bảo vệ thực vật.  B, Sử dụng hợp lý các loại thuốc bảo vệ thực vật.  C, Sử dụng có hiệu quả các loại thuốc bảo vệ thực vật.  D, Sử dụng dư so với nhu cầu sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật.  **Câu 31:** Đâu là tên viết tắt của Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã?   1. CITES. B. SITES. C. CITEX. D. BITES.   **Câu 32**: Biến đổi khí hậu là sự thay đổi về giá trị nào của các yếu tố như độ ẩm, lượng mưa, nhiệt độ,…   1. Giá trị thặng dư. B. Giá trị cốt lõi.   **C.** Giá trị trung bình. D. Giá trị chính xác.  **Câu 33:** Nguyên nhân chính gây biến đổi khí hậu?  A, Do con người. B, Do cháy rừng.  C, Do ô nhiễm nguồn nước. D, Do ô nhiễm không khí.  **Câu 34:** Đâu là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ?  A, Do hoạt động của con người.  B, Do hoạt động của tự nhiên.  C, Do hoạt động đánh bắt thủy hải sản.  **D.** Do hoạt động của con người và tự nhiên.  **Câu 35:** Ô nhiễm môi trường không khí ảnh hưởng như thế nào đến đời sống thực vật?  A, Làm thối rễ.  B, Làm vàng lá.  **C.** Gây ngộ độc, ảnh hưởng đến quá trình quang hợp của cây.  **D.** Gây chết cây.  **Câu 36:** Các chất độc hóa học và chất bảo vệ thực vật thường tích tụ trong môi trường nào?  A, Môi trường đất và nước.  B, Môi trường không khí và đất.  **C.**Môi trường không khí, đất, nước và sinh vật.  **D.** Môi trường đất, nước và không khí.  **Câu 37:** Tác hại của ô nhiễm chất phóng xạ?  **A.** Tác động bất lợi đến hệ sinh thái và sức khỏe con người.  B, Tác động bất lợi đến đời sống sinh vật.  C, Tác động bất lợi đến đời sống sinh hoạt của con người.  D, Tác động bất lợi đến thảm thực vật.  **Câu 38:** Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào gây ảnh hưởng nhiều nhất đến sức khỏe con người?  A, Mưa axit.B, Hiệu ứng nhà kính.  **C.** Thủng tần azone.  **D.** Thủy triều đỏ.  **Câu 39:** Nước nào có lượng khí thải bình quân đầu người cao nhất thế giới?  **A.** Hoa Kì. B. Anh. C, Đức. D, Pháp.  **Câu 40:** Các tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường là gì?  1. Các khí thải từ hoạt động công nghiệp và sinh hoạt  2. Hoá chất bảo vệ thực vật và chất độc hoá học  3. Các chất phóng xạ  4. Các chất thải rắn  5. Các chất thải do hoạt động xây dựng (vôi, cát, đất, đá…)  6. Ô nhiễm do sinh vật gây bệnh  7. Các chất độc hại sinh ra trong chiến tranh  Phương án đúng là:  A, 1,2,4,5,6. **B,** 2,3,4,5,6. **C.** 1,23,4,6.  **D.** 2,3,4,5,6.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS cá nhân trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải thích.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lần lượt trả lời từng câu hỏi trắc nghiệm.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV Nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **III. Luyện tập**  ***Đáp án câu hỏi trắc nghiệm:***  **Câu 1:** D  **Câu 2:** D  **Câu 3:** C  **Câu 4**: B  **Câu 5:** B  **Câu 6**: D  **Câu 7:** D  **Câu 8**: D  **Câu 9**: D  **Câu 10**: B  **Câu 11**: A  **Câu 12**: D  **Câu 13**: D    **Câu 14:** D    **Câu 15**: A    **Câu 16:** A  **Câu 17:** B  **Câu 18:** D  **Câu 19**: D  **Câu 20:** D  **Câu 21**: A  **Câu 22:** C  **Câu 23**: D  **Câu 24**: A  **Câu 25**: B  **Câu 26**: A  **Câu 27**: B  **Câu 28**: A  **Câu 29:** C  **Câu 30:** D  **Câu 31:** A  **Câu 32**: C  **Câu 33**: A  **Câu 34**: D  **Câu 35:** C  **Câu 36**: C  **Câu 37**: A  **Câu 38**: C  **Câu 39**: A  **Câu 40**: C |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết tình huống thực tiễn.

**b.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  **Câu 1.** Vì sao giáo dục ý thức người dân được xem là một biện pháp hiệu quả nhất để khắc phục ô nhiễm môi trường trong thời buổi hiện nay?  **Câu 2.** Ô nhiễm môi trường có ảnh hưởng gì đến đời sống sinh vật?  **Câu 3.** Hoạt động nào của các em được xem là bảo vệ môi trường tại nơi em đang theo học?  **Câu 4.** Theo em, đâu là tác hại của ô nhiễm môi trường mang lại đối với sức khỏe bạn ?  **Câu 5.** Đây là bệnh gì? Từ đâu mà có? Em hãy đề xuất hướng khắc phục?  Sốt xuất huyết ở người lớn: Triệu chứng và cách điều trị | Vinmec  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS: Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS: Các nhóm báo cáo kết quả hoạt động.  HS: Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **IV. Vận dụng.**  *Hướng dẫn trả lời câu hỏi thảo luận:*  **Câu 1.** Vì: Đây là yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc bảo vệ môi trường sống, vứt rác đúng nơi quy định, nói không với xả rác bừa bãi ra môi trường xung quanh, đặc biệt là những nơi công cộng, như công viên, bệnh viện, trường học, nơi công sở, khu du lịch, lễ hội,… Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường ngay tại nơi mình sinh sống và học tập. Giữ gìn vệ sinh chung, quét dọn đường làng, ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, những cống rãnh chảy phải có nắp đậy, không xả nước thải, chất thải sinh hoạt chưa qua xử lý ra những ao, hồ không có rãnh thoát. Mỗi gia đình cần có một thùng đựng rác có nắp đậy riêng và thu gom rác thải sinh hoạt đúng nơi quy định.  **Vì vậy giáo dục được nâng cao thì hiện tượng ô nhiễm môi trường sẽ đc giảm.**  **Câu 2.** Ô nhiễm môi trường để hại nhiều hậu quả nghiêm trọng và ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Chúng là nguyên nhân chính gây ra các bệnh hiểm nghèo, thiên tai ( bão, lũ lụt, hạn hán,...) và ảnh hưởng nghiêm trọng đến đa dạng sinh học, sự cân bằng của hệ sinh thái, biến đổi khí hậu, suy giảm, cạn kiệt nguồn tài nguyên,...  **Câu 3.**  - Bỏ rác đúng nơi quy định.  - Trồng và bảo vệ cây xanh.  - Trực nhật lớp hàng ngày, trước các buổi học.  - Phân loại rác.  **Câu 4.** Tác hại của ô nhiễm môi trường gây: bệnh ung thư,bệnh về đường hô hấp, bệnh tim mạch, gây hại cho não, tác động tiêu cực đến khả năng sinh sản, bệnh thận, tổn thương gan, bệnh về da.  **Câu 5.**  Bệnh sốt xuất huyết.  Nguyên nhân: Do muỗi vằn truyền bệnh.  Hướng khắc phục:  + Ngăn ngừa muỗi sinh sản: đậy kín các dụng cụ chứa nước, để muỗi không thể đẻ trứng. Phát quan vườn rậm và thu gom các vật dụng phế thải có thể chứa nước,  + Phòng muỗi đốt: mặc quần áo dài tay, ngủ trong mùng kể cả ban ngày. Xua đuổi muỗi vào nhà bằng các bình xịt côn trùng, nhang muỗi, kem xua muỗi,… phối hợp với địa phương về các đợt phun hóa chất diệt muỗi. |

**\* Hướng dẫn HS tự học ở nhà**

1. Ôn tập lại các kiến thức bài 47.

2. Làm bài tập bài 47 trong SBT

3. ôn tập lại các kiến thức đã học trong học kì 2 để giờ sau ôn tập cuối học kì II.